

# **Công ty Cổ phần Sách Việt Nam**

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Ngày 30 tháng 6 năm 2017



**EY**

**Building a better  
working world**

# Công ty Cổ phần Sách Việt Nam

## MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Báo cáo soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ	3 - 4
Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	5 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ	11 - 37

02-01  
CÔNG TY  
HÀNG  
SÁCH VIỆT NAM  
HÀNG  
NỘI  
1-1

# Công ty Cổ phần Sách Việt Nam

## THÔNG TIN CHUNG

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Sách Việt Nam ("Công ty"), tiền thân là một Doanh nghiệp Nhà nước, được thành lập theo Quyết định số 3944/TC - QĐ ngày 19 tháng 12 năm 1997 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa – Thông tin (nay là Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch). Theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0100109829 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 10 tháng 12 năm 2010, Công ty chính thức chuyển đổi từ Tổng Công ty Sách Việt Nam thành Công ty TNHH Một thành viên Sách Việt Nam. Theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp sửa đổi lần thứ 2 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 27 tháng 4 năm 2016, Công ty chính thức chuyển đổi loại hình doanh nghiệp thành công ty cổ phần.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là cho thuê văn phòng, kinh doanh và phát hành sách.

Công ty có trụ sở chính tại số 44 Tràng Tiền, Phường Tràng Tiền, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Lê Thăng Long	Chủ tịch
Ông Nguyễn Trọng Tuấn	Thành viên
Bà Mai Hương Nội	Thành viên
Bà Nguyễn Mai Hoa	Thành viên
Bà Vũ Thị Hồng Xiêm	Thành viên

### BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Nguyễn Thị Mai	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 23 tháng 5 năm 2017
Bà Nguyễn Việt Hà	Trưởng ban	Miễn nhiệm ngày 23 tháng 5 năm 2017
Bà Nguyễn Thị Thu Thủy	Thành viên	
Bà Nguyễn Thị Lan Anh	Thành viên	

### BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Lê Thăng Long	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Trọng Tuấn	Phó Tổng Giám đốc

### NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là Ông Lê Thăng Long, Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc.

### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

# Công ty Cổ phần Sách Việt Nam

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sách Việt Nam ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính giữa niên độ cho từng giai đoạn tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- ▶ lập báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo.

### CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:



\_\_\_\_\_  
Lê Thăng Long  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 14 tháng 8 năm 2017



Số tham chiếu: 61306203/19528803/LR

## BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: Các cổ đông của Công ty Cổ phần Sách Việt Nam**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Sách Việt Nam ("Công ty") được lập ngày 14 tháng 8 năm 2017 và được trình bày từ trang 5 đến trang 37, bao gồm bảng cân đối kế toán giữa niên độ vào ngày 30 tháng 6 năm 2017, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### **Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ**

Trong các kỳ báo cáo trước đây, giá thành hàng tồn kho, là các ấn phẩm sách, báo, được Công ty ghi nhận trên cơ sở bằng giá bìa trừ đi một mức chiết khấu nhất định cho từng đầu sách. Ngoài ra, Công ty cũng ghi nhận các đầu sách được đối tác ký gửi để bán qua hệ thống bán hàng của Công ty là hàng tồn kho của Công ty tại ngày 26 tháng 4 năm 2016. Do hạn chế của hệ thống sổ sách kế toán của Công ty, chúng tôi không thể thực hiện được các thủ tục kiểm toán cần thiết để xác định giá trị chiết khấu được Công ty ghi nhận vào giá thành hàng tồn kho tại ngày 27 tháng 4 năm 2016, cũng như xác định giá trị hàng tồn kho là sách do các đối tác ký gửi tại Công ty tại ngày này. Do đó, chúng tôi không thể xác định được các điều chỉnh, nếu cần thiết, đối với các dữ liệu tương ứng cho giai đoạn tài chính từ ngày 27 tháng 4 năm 2016 đến ngày 30 tháng 6 năm 2016 như được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và các thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ có liên quan của kỳ hiện tại.



### ***Kết luận ngoại trừ***

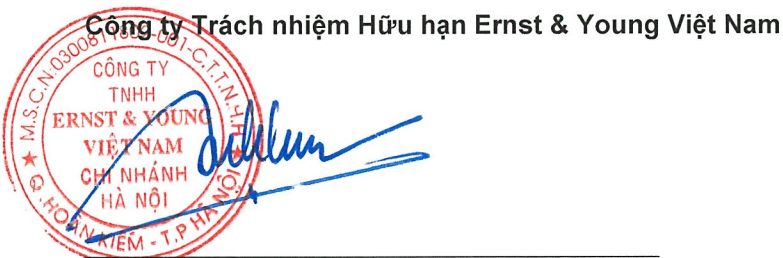
Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, ngoại trừ những ảnh hưởng có thể có của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ”, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, và kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Công ty cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

### ***Vấn đề cần nhấn mạnh***

Chúng tôi xin lưu ý đến Thuyết minh số 19.1 của báo cáo tài chính giữa niên độ:

- ▶ báo cáo xác định giá trị phần vốn Nhà nước tại Công ty TNHH Một thành viên Sách Việt Nam chưa được các cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền phê duyệt cho đến ngày của báo cáo này; và
- ▶ trong khi chờ đợi phê duyệt trên, Công ty đã điều chỉnh một số khoản mục tài sản và nợ phải trả của Công ty TNHH Một thành viên Sách Việt Nam vào lỗ lũy kế do đây là các vấn đề tài chính đã tồn đọng từ trước khi Công ty chuyển đổi loại hình doanh nghiệp thành công ty cổ phần.

Kết luận ngoại trừ của chúng tôi về công tác soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ không liên quan đến các vấn đề cần nhấn mạnh này.



Bùi Anh Tuấn  
Phó Tổng Giám đốc  
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 1067-2013-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 14 tháng 8 năm 2017

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ  
ngày 30 tháng 6 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>691.749.890.974</b>	<b>724.959.645.705</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>4</b>	<b>106.381.511.976</b>	<b>99.596.238.006</b>
111	1. Tiền		75.381.511.976	76.096.238.006
112	2. Các khoản tương đương tiền		31.000.000.000	23.500.000.000
<b>120</b>	<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>5</b>	<b>15.000.000.000</b>	<b>12.000.000.000</b>
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		15.000.000.000	12.000.000.000
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>564.428.669.477</b>	<b>608.788.626.799</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6.1	6.218.142.730	5.222.695.829
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6.2	1.695.002.144	728.020.699
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	26	554.000.000.000	600.000.000.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	7	2.511.105.014	2.781.311.806
139	5. Tài sản thiếu chờ xử lý		4.419.589	56.598.465
<b>140</b>	<b>IV. Hàng tồn kho</b>		<b>5.838.619.959</b>	<b>4.571.780.900</b>
141	1. Hàng tồn kho	8	5.838.619.959	4.571.780.900
<b>150</b>	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>101.089.562</b>	<b>3.000.000</b>
152	1. Thuế GTGT được khấu trừ		101.089.562	-
153	2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		-	3.000.000

180  
181  
182  
183  
184  
185  
186  
187  
188  
189  
190  
191  
192  
193  
194  
195  
196  
197  
198  
199  
200

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
ngày 30 tháng 6 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>38.641.978.876</b>	<b>38.223.891.664</b>
<b>210</b>	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>7</b>	<b>135.000.000</b>	<b>-</b>
216	1. Phải thu dài hạn khác		135.000.000	-
<b>220</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>9.442.325.993</b>	<b>9.853.316.548</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	9.239.149.402	9.626.993.259
222	Nguyên giá		18.833.099.502	18.833.099.502
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(9.593.950.100)	(9.206.106.243)
227	2. Tài sản cố định vô hình	10	203.176.591	226.323.289
228	Nguyên giá		231.467.000	231.467.000
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(28.290.409)	(5.143.711)
<b>230</b>	<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>11</b>	<b>13.319.864.386</b>	<b>14.099.466.110</b>
231	1. Nguyên giá		32.885.692.485	32.885.692.485
232	2. Giá trị hao mòn lũy kế		(19.565.828.099)	(18.786.226.375)
<b>240</b>	<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>		<b>6.000.000.000</b>	<b>4.500.000.000</b>
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	12	6.000.000.000	4.500.000.000
<b>250</b>	<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>13</b>	<b>9.394.762.191</b>	<b>9.394.762.191</b>
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	13.1	3.239.919.511	3.239.919.511
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	13.2	15.340.360.000	15.340.360.000
254	3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(9.185.517.320)	(9.185.517.320)
<b>260</b>	<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>350.026.306</b>	<b>376.346.815</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	14	350.026.306	376.346.815
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>730.391.869.850</b>	<b>763.183.537.369</b>



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
ngày 30 tháng 6 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>13.602.937.553</b>	<b>59.247.285.231</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>12.803.628.353</b>	<b>58.525.976.031</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	15	6.141.819.152	6.779.361.471
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		306.952.800	27.930.400
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	64.170.328	3.340.331.187
314	4. Phải trả người lao động		-	547.712.949
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	17	181.190.000	44.152.987.647
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		792.004.226	495.146.459
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	18	5.317.491.847	3.182.505.918
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>799.309.200</b>	<b>721.309.200</b>
337	1. Phải trả dài hạn khác	18	799.309.200	721.309.200
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>716.788.932.297</b>	<b>703.936.252.138</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>19</b>	<b>716.788.932.297</b>	<b>703.936.252.138</b>
411	1. Vốn cổ phần đã phát hành		679.099.600.000	679.099.600.000
411a	- Cổ phần phổ thông có quyền biểu quyết		679.099.600.000	679.099.600.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		71.791.507.009	71.791.507.009
421	3. Lỗ lũy kế		(34.102.174.712)	(40.954.854.871)
421a	- Lỗ lũy kế đến cuối kỳ trước		(46.536.951.657)	(55.836.728.309)
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này		12.434.776.945	8.881.873.438
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>730.391.869.850</b>	<b>763.183.537.369</b>

  
 Nguyễn Thị Minh  
 Người lập

  
 Đặng Xuân Ánh  
 Kế toán trưởng

  
 Lê Thăng Long  
 C.T.C. Tổng Giám đốc



Hà Nội, Việt Nam

Ngày 14 tháng 8 năm 2017

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**  
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	Cho giai đoạn tài chính từ ngày 27 tháng 4 năm 2016 đến ngày 30 tháng 6 năm 2016
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	20.1	12.532.960.142	4.697.443.001
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	20.1	(3.288.428)	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20.1	12.529.671.714	4.697.443.001
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	21	(8.847.414.254)	(2.989.265.431)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		3.682.257.460	1.708.177.570
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	20.2	21.235.360.660	164.024.825
22	7. Chi phí tài chính		(13.719.489)	-
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		-	-
25	8. Chi phí bán hàng	22	(3.221.108.101)	(894.193.708)
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	22	(9.649.520.786)	(2.541.440.869)
30	10. Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh		12.033.269.744	(1.563.432.182)
31	11. Thu nhập khác	24	401.507.201	91.977.090
32	12. Chi phí khác		-	-
40	13. Lợi nhuận khác		401.507.201	91.977.090
50	14. Tổng lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế		12.434.776.945	(1.471.455.092)
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	25	-	(1.899.600)
60	16. Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế TNDN		12.434.776.945	(1.473.354.692)
70	17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	27	183	(22)

  
Nguyễn Thị Minh  
Người lập

  
Đặng Xuân Ánh  
Kế toán trưởng

  
Lê Thăng Long  
Tổng Giám đốc



Hà Nội, Việt Nam

Ngày 14 tháng 8 năm 2017

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**  
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	Cho giai đoạn tài chính từ ngày 27 tháng 4 năm 2016 đến ngày 30 tháng 6 năm 2016
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
01	<b>Tổng lợi nhuận/(lỗ) trước thuế</b>		<b>12.434.776.945</b>	<b>(1.471.455.092)</b>
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao tài sản cố định hữu hình và bất động sản đầu tư và hao mòn tài sản cố định vô hình	9,10,11	1.190.592.279	406.402.711
05	Lãi từ hoạt động đầu tư	20.2	(21.235.360.660)	(164.024.825)
08	<b>Lỗ từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>(7.609.991.436)</b>	<b>(1.229.077.206)</b>
09	(Tăng)/giảm các khoản phải thu		(2.179.047.241)	1.372.776.454
10	(Tăng)/giảm hàng tồn kho		(1.266.839.059)	322.463.238
11	(Giảm)/tăng các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(43.662.916.199)	3.892.347.781
12	Giảm/(tăng) chi phí trả trước		26.320.509	(850.985.299)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	16	(1.563.528.265)	-
20	<b>Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào)/từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>(56.256.001.691)</b>	<b>3.507.524.968</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(1.500.000.000)	-
23	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(13.000.000.000)	-
24	Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác		56.000.000.000	-
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		21.541.275.661	164.024.825
30	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>		<b>63.041.275.661</b>	<b>164.024.825</b>
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
40	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>		-	-

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	Cho giai đoạn tài chính từ ngày 27 tháng 4 năm 2016 đến ngày 30 tháng 6 năm 2016
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		6.785.273.970	3.671.549.793
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		99.596.238.006	699.919.779.201
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	4	106.381.511.976	703.591.328.994



Nguyễn Thị Minh  
Người lập



Đặng Xuân Ánh  
Kế toán trưởng



Lê Thăng Long  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 14 tháng 8 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**1. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP**

Công ty Cổ phần Sách Việt Nam (“Công ty”), tiền thân là một Doanh nghiệp Nhà nước, được thành lập theo Quyết định số 3944/TC - QĐ ngày 19 tháng 12 năm 1997 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa – Thông tin (nay là Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch). Theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0100109829 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 10 tháng 12 năm 2010, Công ty chính thức chuyển đổi từ Tổng Công ty Sách Việt Nam thành Công ty TNHH Một thành viên Sách Việt Nam. Theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp sửa đổi lần thứ 2 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 27 tháng 4 năm 2016, Công ty chính thức chuyển đổi loại hình doanh nghiệp thành công ty cổ phần.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là cho thuê văn phòng, kinh doanh và phát hành sách.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính tại số 44 Tràng Tiền, Phường Tràng Tiền, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 là 66 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: 79 người).

**2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY**

**2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam (“VND”) phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

**2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng**

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là hình thức kế toán trên máy vi tính.

**2.3 Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)**

**2.4 Đơn vị tiền tệ trong kế toán**

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND.

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

**3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

**3.2 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kiểm kê định kỳ để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Hàng hóa - chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.

*Dự phòng giảm giá hàng tồn kho*

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời...) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

**3.3 Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dự tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo tài chính giữa niên độ.

**3.4 Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản cố định hữu hình và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ khi phát sinh.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.4 Tài sản cố định hữu hình (tiếp theo)**

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

**3.5 Thuê tài sản**

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu; liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

*Trong trường hợp Công ty là bên đi thuê*

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê.

*Trong trường hợp Công ty là bên cho thuê*

Tài sản theo hợp đồng cho thuê hoạt động được ghi nhận là bất động sản đầu tư trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ.

Thu nhập từ tiền cho thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

**3.6 Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến. Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

**3.7 Khấu hao và hao mòn**

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	26 – 39 năm
Máy móc, thiết bị	5 – 19 năm
Phương tiện vận tải	5 – 12 năm
Phần mềm máy tính	5 năm

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.8 Bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Đối với bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá, Công ty không trích khấu hao mà xác định tổn thất do giảm giá trị.

Các khoản chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được hạch toán vào giá trị còn lại của bất động sản đầu tư khi Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư đó.

Khấu hao và hao mòn bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các bất động sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	26 – 39 năm
Máy móc, thiết bị	5 – 19 năm

**3.9 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

**3.10 Các khoản phải trả và chi phí trích trước**

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

**3.11 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch; và
- ▶ Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán giữa niên độ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.12 Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

*Tiền cho thuê*

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê.

*Tiền lãi*

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

*Cổ tức*

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

**3.13 Thuế**

*Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

*Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.13 Thuế (tiếp theo)**

*Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)*

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho giai đoạn tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- ▶ đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>
Tiền mặt	152.133.407	149.169.408
Tiền gửi ngân hàng	75.229.378.569	75.947.068.598
Các khoản tương đương tiền (*)	31.000.000.000	23.500.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>106.381.511.976</b>	<b>99.596.238.006</b>

(\*) Đây là các khoản tiền gửi ngắn hạn bằng VND tại ngân hàng thương mại với lãi suất 5.5%/năm và có kỳ hạn 3 tháng (ngày 31 tháng 12 năm 2016: 5%/năm).

**5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

Đây là các khoản tiền gửi ngân hàng bằng VND có kỳ hạn 6 tháng và hưởng lãi suất từ 5,5%/năm đến 6%/năm (ngày 31 tháng 12 năm 2016: từ 5,5%/năm đến 6,5%/năm).

**6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

**6.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>
Phải thu từ khách hàng	791.156.961	1.239.006.445
- Công ty TNHH In và Thương mại Ba Sao	-	199.650.000
- Công ty Cổ phần Phát triển In Việt Nam	-	135.380.000
- Cục Bảo trợ Xã hội	268.007.547	-
- Công ty Cổ phần Văn hóa Văn Lang	133.643.792	99.090.775
- Công ty Cổ phần Phát hành sách Thành phố Hồ Chí Minh - Trung tâm sách Nguyễn Huệ	175.410.835	97.290.800
- Các khoản phải thu khách hàng khác	214.094.787	707.594.870
Phải thu từ các bên liên quan (Thuyết minh số 26)	5.426.985.769	3.983.689.384
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>6.218.142.730</b>	<b>5.222.695.829</b>
Dự phòng phải thu khó đòi	-	-

**6.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>
Trả trước cho người bán		
- Trung tâm Dịch thuật Dịch vụ Văn hóa và Khoa học công nghệ	675.687.091	675.687.091
- Nhà xuất bản Cengage Learning	867.649.334	-
- Các đối tượng khác	151.665.719	52.333.608
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.695.002.144</b>	<b>728.020.699</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**7. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC**

*Đơn vị tính: VND*

	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>		<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>	
	<i>Giá trị</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Giá trị</i>	<i>Dự phòng</i>
<b>Ngắn hạn</b>				
Phải thu lãi cho vay	411.527.775	-	332.053.887	-
Tạm ứng cho nhân viên	87.090.000	-	-	-
Phải thu ngắn hạn khác	181.209.461	-	232.591.252	-
Phải thu ngắn hạn khác từ các bên liên quan <i>(Thuyết minh số 26)</i>	1.831.277.778	-	2.216.666.667	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>2.511.105.014</b>	<b>-</b>	<b>2.781.311.806</b>	<b>-</b>
<b>Dài hạn</b>				
Phải thu dài hạn khác	135.000.000	-	-	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>135.000.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

**8. HÀNG TỒN KHO**

*Đơn vị tính: VND*

	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>		<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>	
	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>
Hàng hóa	5.838.619.959	-	4.571.780.900	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>5.838.619.959</b>	<b>-</b>	<b>4.571.780.900</b>	<b>-</b>

**9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

*Đơn vị tính: VND*

	<i>Nhà cửa, vật kiến trúc</i>	<i>Máy móc, thiết bị</i>	<i>Phương tiện vận tải</i>	<i>Tổng cộng</i>
<b>Nguyên giá:</b>				
Số đầu kỳ	14.800.560.239	3.119.015.082	913.524.181	18.833.099.502
Tăng trong kỳ	-	-	-	-
Số cuối kỳ	14.800.560.239	3.119.015.082	913.524.181	18.833.099.502
<b>Giá trị hao mòn lũy kế:</b>				
Số đầu kỳ	6.026.312.204	2.566.254.233	613.539.806	9.206.106.243
Khấu hao trong kỳ	269.813.363	85.095.564	32.934.930	387.843.857
Số cuối kỳ	6.296.125.567	2.651.349.797	646.474.736	9.593.950.100
<b>Giá trị còn lại:</b>				
Số đầu kỳ	8.774.248.035	552.760.849	299.984.375	9.626.993.259
Số cuối kỳ	8.504.434.672	467.665.285	267.049.445	9.239.149.402



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

*Đơn vị tính: VND*

*Phần mềm máy tính*

<b>Nguyên giá:</b>	
Số đầu kỳ	231.467.000
Tăng trong kỳ	-
Số cuối kỳ	<u>231.467.000</u>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế:</b>	
Số đầu kỳ	5.143.711
- Hao mòn trong kỳ	<u>23.146.698</u>
Số cuối kỳ	<u>28.290.409</u>
<b>Giá trị còn lại:</b>	
Số đầu kỳ	<u>226.323.289</u>
Số cuối kỳ	<u>203.176.591</u>

**11. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ**

*Đơn vị tính: VND*

	<i>Nhà cửa</i>	<i>Máy móc, thiết bị</i>	<i>Tổng cộng</i>
<b>Nguyên giá:</b>			
Số đầu kỳ	29.564.429.606	3.321.262.879	32.885.692.485
Tăng trong kỳ	-	-	-
Số cuối kỳ	<u>29.564.429.606</u>	<u>3.321.262.879</u>	<u>32.885.692.485</u>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế:</b>			
Số đầu kỳ	16.052.719.017	2.733.507.358	18.786.226.375
- Khấu hao trong kỳ	<u>700.217.892</u>	<u>79.383.832</u>	<u>779.601.724</u>
Số cuối kỳ	<u>16.752.936.909</u>	<u>2.812.891.190</u>	<u>19.565.828.099</u>
<b>Giá trị còn lại:</b>			
Số đầu kỳ	<u>13.511.710.589</u>	<u>587.755.521</u>	<u>14.099.466.110</u>
Số cuối kỳ	<u>12.811.492.697</u>	<u>508.371.689</u>	<u>13.319.864.386</u>

Bất động sản đầu tư bao gồm các tòa nhà tại số 44 Phố Tràng Tiền Quận Hoàn Kiếm, số 22B Phố Hai Bà Trưng Quận Hoàn Kiếm và tại Huyện Đông Anh, Phố Chùa Hà Quận Cầu Giấy Thành Phố Hà Nội đang được Công ty sử dụng để cho thuê. Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các bất động sản đầu tư này tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 do các bất động sản này không được giao dịch thường xuyên trên thị trường.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BÀN DỒI DANG**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>
Dự án 22A Hai Bà Trưng (*)	<u>6.000.000.000</u>	<u>4.500.000.000</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>6.000.000.000</u></b>	<b><u>4.500.000.000</u></b>

(\*) Đây là khoản trả cho Công ty Cổ phần Bán đấu giá Hà Nội theo Thỏa thuận chấm dứt và thanh lý hợp đồng số 14112016 ký ngày 14 tháng 11 năm 2016 cho mục đích thu hồi mặt bằng tại khu đất số 22A Phố Hai Bà Trưng, Phường Tráng Tiền, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG TẬP THỂ BAN GIÁM ĐỐC

## Công ty Cổ phần Sách Việt Nam

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 13. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Ngày 30 tháng 6 năm 2017		Ngày 31 tháng 12 năm 2016		Đơn vị tính: VND	
	Giá gốc	Dự phòng (**)	Giá trị ghi sổ (*)	Giá gốc		Dự phòng
Đầu tư vào công ty liên kết	3.239.919.511	-	3.239.919.511	3.239.919.511	-	3.239.919.511
Đầu tư vào đơn vị khác	15.340.360.000	(9.185.517.320)	6.154.842.680	15.340.360.000	(9.185.517.320)	6.154.842.680
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>18.580.279.511</b>	<b>(9.185.517.320)</b>	<b>9.394.762.191</b>	<b>18.580.279.511</b>	<b>(9.185.517.320)</b>	<b>9.394.762.191</b>

(\*) Công ty không xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này do các cổ phiếu này chưa được giao dịch trên thị trường chứng khoán.

(\*\*) Đây là khoản dự phòng đầu tư tài chính vào Công ty Liên doanh TNHH Kim Ngọc.

#### 13.1 Đầu tư vào công ty liên kết

Đây là khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần In Sách Việt Nam. Công ty này được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0104209630 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 6 tháng 10 năm 2009. Công ty này sau đó cũng nhận được các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp sửa đổi với lần gần nhất là lần thứ 2 được cấp ngày 19 tháng 8 năm 2014. Hoạt động chính của công ty này là in ấn. Trụ sở chính của công ty này đặt tại số 22B, Phố Hai Bà Trưng, Phường Tráng Tiên, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội.

Công ty Cổ phần In Sách Việt Nam có tổng số vốn điều lệ là 8,5 tỷ VND (tương ứng với 850.000 cổ phiếu), trong đó Công ty nắm giữ 35% phần vốn chủ sở hữu (tương ứng với 297.500 cổ phiếu).

#### 13.2 Đầu tư vào đơn vị khác

Đây là khoản đầu tư vào Công ty Liên doanh TNHH Kim Ngọc. Công ty này được thành lập theo Giấy phép Đầu tư số 524/GP do Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội cấp ngày 8 tháng 2 năm 1993. Công ty này sau đó cũng nhận được các Giấy phép Đầu tư sửa đổi với lần sửa đổi gần nhất vào ngày 31 tháng 8 năm 2012. Hoạt động chính của Công ty này là kinh doanh dịch vụ khách sạn. Công ty có trụ sở chính tại số 23 Phố Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội.

Công ty Liên doanh TNHH Kim Ngọc có tổng vốn điều lệ 6.804.000 USD, trong đó Công ty nắm 15,2% vốn chủ sở hữu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**14. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

	Đơn vị tính: VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Công cụ, dụng cụ	350.026.306	376.346.815
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>350.026.306</b>	<b>376.346.815</b>

**15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	Đơn vị tính: VND			
	Ngày 30 tháng 6 năm 2017		Ngày 31 tháng 12 năm 2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả cho người bán				
- Công ty TNHH Thương mại Nhất Thống	-	-	1.008.644.872	1.008.644.872
- Phải trả đối tượng khác	5.943.907.502	5.943.907.502	5.770.716.599	5.770.716.599
Phải trả cho các bên liên quan (Thuyết minh số 26)	197.911.650	197.911.650		-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>6.141.819.152</b>	<b>6.141.819.152</b>	<b>6.779.361.471</b>	<b>6.779.361.471</b>

**16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Đơn vị tính: VND			
	Ngày 31 tháng 12 năm 2016	Số phải nộp/phải thu trong kỳ	Số đã nộp/đã thu trong kỳ	Ngày 30 tháng 6 năm 2017
<b>Phải thu</b>				
Thuế giá trị gia tăng	-	101.089.562	-	101.089.562
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>-</b>	<b>101.089.562</b>	<b>-</b>	<b>101.089.562</b>
<b>Phải trả</b>				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.378.626.181	(815.097.916)	1.563.528.265	-
Thuế thu nhập cá nhân	62.848.016	130.480.306	129.157.994	64.170.328
Thuế giá trị gia tăng	38.817.604	28.116.734	66.934.338	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	860.039.386	411.571.980	1.271.611.366	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>3.340.331.187</b>	<b>(244.928.896)</b>	<b>3.031.231.963</b>	<b>64.170.328</b>

**17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	Đơn vị tính: VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Trích trước chi phí tiền thuê nhà, thuê đất	-	43.960.667.647
Trích trước chi phí khác	181.190.000	192.320.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>181.190.000</b>	<b>44.152.987.647</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**18. PHẢI TRẢ KHÁC**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>
<b>Ngắn hạn</b>		
Phải trả cổ phần hóa (i)	2.404.332.639	2.404.332.639
Đặt cọc mua khoản đầu tư (ii)	2.000.000.000	-
Phải trả lãi tài khoản phong tỏa	913.159.208	728.805.641
Bảo hiểm xã hội và kinh phí công đoàn	-	49.367.638
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>5.317.491.847</u></b>	<b><u>3.182.505.918</u></b>
<b>Dài hạn</b>		
Nhận đặt cọc thuê văn phòng	799.309.200	721.309.200
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>799.309.200</u></b>	<b><u>721.309.200</u></b>

- (i) Đây là khoản tiền thu được từ cổ phần hóa Công ty sẽ phải trả lại Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sau khi hồ sơ xác định giá trị doanh nghiệp sau cổ phần hóa được quyết toán và phê duyệt.
- (ii) Đây là khoản tiền đặt cọc từ một đối tác doanh nghiệp để chuyển nhượng một khoản đầu tư của Công ty.

# Công ty Cổ phần Sách Việt Nam

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

## 19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

### 19.1 Tình hình tăng giảm vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần đã phát hành	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn chủ sở hữu khác	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối/(lỗ lũy kế)	Tổng cộng
<b>Đơn vị tính: VND</b>							
<b>Cho giai đoạn tài chính từ ngày 27 tháng 4 năm 2016 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016</b>							
Vào ngày 27 tháng 4 năm 2016 (số dư đầu kỳ mang sang từ công ty TNHH)	46.027.982.408	-	3.380.973.209	17.852.037.108	1.141.276.989	467.651.913	68.869.921.627
Điều chỉnh sau cổ phần hóa (i)	633.071.617.592	71.791.507.009	(3.380.973.209)	(17.852.037.108)	(1.141.276.989)	(467.651.913)	682.021.185.382
Vào ngày 27 tháng 4 năm 2016 (số dư đầu kỳ của công ty cổ phần)	679.099.600.000	71.791.507.009	-	-	-	-	750.891.107.009
- Lỗ trong kỳ	-	-	-	-	-	(1.473.354.692)	(1.473.354.692)
- Giảm khác (ii)	-	-	-	-	-	(55.836.728.309)	(55.836.728.309)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016	679.099.600.000	71.791.507.009	-	-	-	(57.310.083.001)	693.581.024.008
<b>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</b>							
Vào ngày 1 tháng 1 năm 2017	679.099.600.000	71.791.507.009	-	-	-	(46.954.854.871)	703.936.252.138
- Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	-	12.434.776.945	12.434.776.945
- Tăng khác (iii)	-	-	-	-	-	815.097.916	815.097.916
- Giảm khác (iv)	-	-	-	-	-	(397.194.702)	(397.194.702)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2017	679.099.600.000	71.791.507.009	-	-	-	(34.102.174.712)	716.788.932.297

(i) Vào ngày 27 tháng 4 năm 2016, Công ty chính thức chuyển đổi từ một công ty TNHH thành công ty cổ phần. Theo đó, Công ty ghi nhận các điều chỉnh tăng vốn điều lệ, tăng thặng dư vốn cổ phần và giảm các quỹ khác theo kết quả của cuộc đầu giá cổ phần.

Công ty cũng đã trình báo cáo xác định giá trị phần vốn Nhà nước tại Công ty TNHH Một thành viên Sách Việt Nam cho Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch vào ngày 13 tháng 6 năm 2016. Tuy nhiên, hồ sơ này chưa được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch phê duyệt đến thời điểm lập báo cáo tài chính giữa niên độ này.



# Công ty Cổ phần Sách Việt Nam

B09a-DN

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 19. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

#### 19.1 Tình hình tăng giảm vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

- (ii) Đây là các điều chỉnh của Công ty đối với các tồn đọng về tài chính của Công ty TNHH Một thành viên Sách Việt Nam trước khi chuyển đổi loại hình doanh nghiệp thành công ty cổ phần, chủ yếu bao gồm:
- ▶ Tiền thuế đất và thuế nhà chưa được ghi nhận;
  - ▶ Các nghĩa vụ thuế với Nhà nước phát sinh trong các giai đoạn trước khi chuyển đổi loại hình doanh nghiệp thành công ty cổ phần chưa được ghi nhận;
  - ▶ Các khoản phải thu tồn tại đã lâu hoặc không rõ đối tượng;
  - ▶ Các khoản phải trả tồn tại đã lâu;
  - ▶ Dự phòng giảm giá khoản đầu tư chưa được ghi nhận; và
  - ▶ Doanh thu cho thuê mặt bằng của các giai đoạn trước khi chuyển đổi loại hình doanh nghiệp thành công ty cổ phần chưa được ghi nhận.

Ban Tổng Giám đốc đã quyết định xử lý các tồn đọng này vào lỗ lũy kế trong giai đoạn từ ngày 27 tháng 4 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016 theo Hợp đồng mua bán cổ phần nhà đầu tư chiến lược ngày 7 tháng 3 năm 2016, Công ty Cổ phần Sách Việt Nam sẽ kế thừa toàn bộ trách nhiệm, nghĩa vụ của Công ty TNHH Một thành viên Sách Việt Nam các tồn đọng về tài chính, về pháp lý, đặc biệt là những nội dung liên quan đến các cơ sở nhà đất Công ty TNHH Một thành viên Sách Việt Nam đang quản lý, sử dụng, trong đó có các khoản nợ tiền thuê nhà, đất của nhà nước chưa được tính đến thời điểm bàn giao sang Công ty Cổ phần Sách Việt Nam, khoản nợ này sẽ được tính vào chi phí của Công ty Cổ phần Sách Việt Nam. Ngoài ra, Ban Giám đốc cũng đưa ra xử lý kế toán này do báo cáo xác định giá trị phải nộp Nhà nước tại Công ty TNHH Một thành viên Sách Việt Nam tại thời điểm cổ phần hóa chưa được cơ quan quản lý Nhà nước phê duyệt đến thời điểm này.

(iii) Đây là khoản điều chỉnh giảm thuế thu nhập doanh nghiệp phải trả và giảm lỗ lũy kế do Công ty thực hiện chuyển lỗ của giai đoạn trước cổ phần hóa; và

(iv) Đây là khoản điều chỉnh phạt chậm nộp tiền thuê nhà và tiền thuê đất phát sinh trước giai đoạn cổ phần hóa của Công ty.

#### 19.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Ngày 30 tháng 6 năm 2017		Ngày 31 tháng 12 năm 2016		Đơn vị tính: VND
	Tổng số	Cổ phiếu thường	Tổng số	Cổ phiếu thường	
Vốn cổ phần của Nhà nước	67.909.960.000	67.909.960.000	67.909.960.000	67.909.960.000	-
Vốn cổ phần của Tập đoàn Vingroup – Công ty CP	443.642.740.000	443.642.740.000	443.642.740.000	443.642.740.000	-
Vốn cổ phần của cổ đông khác	167.546.900.000	167.546.900.000	167.546.900.000	167.546.900.000	-
Thặng dư vốn cổ phần	71.791.507.009	71.791.507.009	71.791.507.009	71.791.507.009	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>750.891.107.009</b>	<b>750.891.107.009</b>	<b>750.891.107.009</b>	<b>750.891.107.009</b>	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**19. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)**

**19.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính từ ngày 27 tháng 4 năm 2016 đến ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
<b>Vốn cổ phần đã góp của chủ sở hữu</b>		
Số đầu kỳ	679.099.600.000	46.027.982.408
Điều chỉnh sau cổ phần hóa	-	633.071.617.592
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
Số cuối kỳ	<u>679.099.600.000</u>	<u>679.099.600.000</u>
<b>Cổ tức, lợi nhuận đã chia</b>	-	-

**19.4 Cổ phiếu**

	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>		<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>	
	<i>Số lượng</i>	<i>Giá trị VND</i>	<i>Số lượng</i>	<i>Giá trị VND</i>
<b>Cổ phiếu đăng ký phát hành, đã phát hành và đang được lưu hành</b>	<b>67.909.960</b>	<b>679.099.600.000</b>	<b>67.909.960</b>	<b>679.099.600.000</b>
Cổ phiếu phổ thông	67.909.960	679.099.600.000	67.909.960	679.099.600.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-	-	-

**20. DOANH THU**

**20.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính từ ngày 27 tháng 4 năm 2016 đến ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>12.532.960.142</b>	<b>4.697.443.001</b>
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu từ bán hàng hóa	6.154.849.291	2.296.360.702
Doanh thu từ cho thuê văn phòng	6.378.110.851	2.401.082.299
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>(3.288.428)</b>	<b>-</b>
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>12.529.671.714</b>	<b>4.697.443.001</b>
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu từ bán hàng hóa	6.151.560.863	2.296.360.702
Doanh thu từ cho thuê văn phòng	6.378.110.851	2.401.082.299
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu đối với bên khác	10.608.155.612	4.319.378.450
Doanh thu đối với bên liên quan (Thuyết minh số 26)	1.921.516.102	378.064.551

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**20. DOANH THU** (tiếp theo)

**20.2 Doanh thu từ hoạt động tài chính**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính từ ngày 27 tháng 4 năm 2016 đến ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
Lãi tiền gửi	1.138.749.548	164.024.825
Lãi cho vay	20.096.611.112	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>21.235.360.660</u></b>	<b><u>164.024.825</u></b>

**20.3 Doanh thu và chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính từ ngày 27 tháng 4 năm 2016 đến ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
Thu nhập từ cho thuê bất động sản đầu tư	6.378.110.851	2.401.082.299
Chi phí hoạt động kinh doanh trực tiếp của các bất động sản đầu tư tạo thu nhập cho thuê trong năm	4.362.949.553	1.432.633.619

**21. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính từ ngày 27 tháng 4 năm 2016 đến ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
Giá vốn của hàng hóa đã bán	4.484.464.701	1.556.631.812
Giá vốn của dịch vụ cho thuê văn phòng	4.362.949.553	1.432.633.619
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>8.847.414.254</u></b>	<b><u>2.989.265.431</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**22. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính từ ngày 27 tháng 4 năm 2016 đến ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
<b>Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ</b>		
- Chi phí nhân viên	2.928.146.793	802.283.734
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	196.599.297	81.517.860
- Chi phí dụng cụ, đồ dùng	95.430.346	1.114.500
- Chi phí bán hàng khác	931.665	9.277.614
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>3.221.108.101</b>	<b>894.193.708</b>
<b>Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ</b>		
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.843.708.493	1.281.626.017
- Chi phí nhân viên	2.332.875.257	825.966.252
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.190.592.279	406.402.711
- Thuế, phí, lệ phí	2.100.951.925	-
- Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	181.392.832	27.445.889
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>9.649.520.786</b>	<b>2.541.440.869</b>

**23. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính từ ngày 27 tháng 4 năm 2016 đến ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
Chi phí mua hàng hóa	4.598.313.881	1.556.631.812
Chi phí nhân công	5.299.607.071	1.680.329.986
Chi phí khấu hao và hao mòn tài sản cố định	1.190.592.279	406.402.711
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.232.891.444	2.728.550.079
Chi phí khác	2.396.638.466	52.985.420
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>21.718.043.141</b>	<b>6.424.900.008</b>

**24. THU NHẬP KHÁC**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính từ ngày 27 tháng 4 năm 2016 đến ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
Tiền bồi thường (*)	346.326.750	-
Thu nhập khác	55.180.451	91.977.090
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>401.507.201</b>	<b>91.977.090</b>

(\*) Đây là khoản tiền bồi thường nhận được từ một khách thuê của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**25. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp (“TNDN”) áp dụng cho Công ty là 20% lợi nhuận chịu thuế.

Báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính giữa niên độ có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

**25.1 Chi phí thuế TNDN hiện hành**

Thuế TNDN hiện hành phải nộp được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải nộp của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính từ ngày 27 tháng 4 năm 2016 đến ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	1.899.600
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>-</b>	<b>1.899.600</b>

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính từ ngày 27 tháng 4 năm 2016 đến ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	12.434.776.945	(1.471.455.092)
Thuế TNDN theo thuế suất áp dụng cho Công ty	2.486.955.389	(294.291.018)
<i>Các khoản điều chỉnh tăng:</i>		
Chi phí không được khấu trừ thuế	122.089.882	296.190.618
<i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>		
Lỗi từ các năm trước chuyển sang (*)	(2.609.045.271)	-
<b>Chi phí thuế TNDN</b>	<b>-</b>	<b>1.899.600</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**25. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)**

**25.2 Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận**

**Lỗi chuyển sang từ năm trước**

Công ty được phép chuyển các khoản lỗ tính thuế sang năm sau để bù trừ với lợi nhuận thu được trong vòng 5 năm kể từ sau năm phát sinh khoản lỗ đó. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, Công ty có 21.756.014.727 VND lỗ lũy kế có thể sử dụng để bù trừ với lợi nhuận phát sinh trong tương lai. Chi tiết như sau:

Đơn vị tính: VND

Năm phát sinh	Có thể chuyển lỗ đến năm	Lỗ tính thuế	Đã chuyển lỗ đến ngày 30/6/2017	Chưa chuyển lỗ tại ngày 30/6/2017
2013	2018	1.763.928.267	(1.763.928.267)	-
2014	2019	2.329.707.311	(2.329.707.311)	-
Sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (*)	2022	34.804.991.083	(13.048.976.356)	21.756.014.727
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>38.898.626.661</b>	<b>(17.142.611.934)</b>	<b>21.756.014.727</b>

(\*) Công ty đã đưa chi phí tiền thuê nhà và thuê đất, với tổng số tiền là 34.804.991.083 VND, phát sinh trong giai đoạn trước khi công ty tiến hành cổ phần hóa để xác định lỗ thuế cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017. Khoản chi phí này chưa được Công ty TNHH Một thành viên Sách Việt Nam trước đây ghi nhận và đã được đưa vào lỗ lũy kế của công ty cổ phần trong giai đoạn từ ngày 27 tháng 4 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016 (xem Thuyết minh số 19.1).

Ban Tổng Giám đốc đã đánh giá rằng các khoản chi phí này đủ điều kiện để được xem là chi phí hợp lý, hợp lệ trong giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 căn cứ theo Biên bản kiểm tra thuế tại Công ty TNHH Một thành viên Sách Việt Nam đề ngày 4 tháng 8 năm 2016. Theo Biên bản này, đoàn kiểm tra của Cục thuế thành phố Hà Nội "tạm thời không ghi tăng chi phí đối với khoản tiền còn phải trả về tiền thuê đất, thuê nhà của các địa điểm trong thời gian từ 1/7/2014 đến 26/4/2016 mà Công ty Savina còn nợ căn cứ theo thông báo tiền thuê nhà đất của Xí nghiệp quản lý nhà quận Hoàn Kiếm" căn cứ theo thỏa thuận trên Hợp đồng mua bán cổ phần nhà đầu tư chiến lược giữa Công ty TNHH Một thành viên Sách Việt Nam với Tập đoàn VinGroup – Công ty Cổ phần, rằng các khoản chi phí này sẽ được tính vào chi phí của Công ty Cổ phần Sách Việt Nam.

Lỗ thuế ước tính của Công ty cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 chưa được cơ quan thuế quyết toán đến thời điểm lập báo cáo tài chính giữa niên độ này.

Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho khoản lỗ thuế nêu trên do chưa ước tính được chắc chắn lợi nhuận chịu thuế trong tương lai.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**26. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ bao gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Đơn vị tính: VND	
			Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	Cho giai đoạn tài chính từ ngày 27 tháng 4 năm 2016 đến ngày 30 tháng 6 năm 2016
Công ty Cổ phần In Sách Việt Nam	Công ty liên kết	Doanh thu cho thuê nhà	1.134.193.650	378.064.551
		Tiền thuê đã thu	400.497.678	-
		Chi phí in sách	298.101.500	-
		Tiền in sách đã trả	130.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Sinh Thái ("Công ty Sinh Thái")	Công ty cùng Tập đoàn	Thu hồi gốc vay	46.000.000.000	-
		Lãi cho vay phải thu	20.096.611.112	-
		Lãi cho vay đã thu	20.482.000.001	-
Công ty TNHH Một thành viên Vinschool ("Công ty Vinschool")	Công ty cùng Tập đoàn	Doanh thu bán sách	787.322.452	-
		Ứng trước tiền mua sách	257.187.060	-

*Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với các bên liên quan*

Công ty cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan theo mức giá thỏa thuận theo đàm phán hợp đồng.

Ngoại trừ khoản cho bên liên quan vay, số dư các khoản phải thu, phải trả thương mại với các bên liên quan tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2017 không cần bảo đảm, không có lãi suất và sẽ được thanh toán bằng tiền. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, Công ty chưa trích lập bất cứ một khoản dự phòng phải thu khó đòi nào liên quan đến số tiền các bên liên quan còn nợ Công ty (ngày 31 tháng 12 năm 2016: không). Việc đánh giá này được thực hiện cuối kỳ thông qua việc kiểm tra tình hình tài chính của bên liên quan và thị trường mà bên liên quan đó hoạt động.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**26. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, số dư các khoản phải thu, phải trả với các bên liên quan như sau:

*Đơn vị tính: VND*

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>
<b>Phải thu khách hàng (Thuyết minh số 6.1)</b>				
Công ty Cổ phần In Sách Việt Nam	Công ty liên kết	Phải thu tiền cho thuê nhà	4.896.850.377	3.983.689.384
Công ty Vinschool	Công ty cùng Tập đoàn	Phải thu tiền bán sách	530.135.392	-
			<b>5.426.985.769</b>	<b>3.983.689.384</b>
<b>Phải thu khác (Thuyết minh số 7)</b>				
Công ty Sinh Thái	Công ty cùng Tập đoàn	Phải thu tiền lãi cho vay	1.831.277.778	2.216.666.667
			<b>1.831.277.778</b>	<b>2.216.666.667</b>
<b>Phải trả người bán (Thuyết minh số 15)</b>				
Công ty Cổ phần In Sách Việt Nam	Công ty liên kết	Phải trả tiền in sách	197.911.650	-
			<b>197.911.650</b>	<b>-</b>

Chi tiết khoản cho vay như sau:

*Đơn vị tính: VND*

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Lãi suất %/năm</i>	<i>Tài sản đảm bảo</i>	<i>Ngày đáo hạn</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>
Công ty Sinh Thái	Công ty cùng Tập đoàn	7%/năm	Không có	Ngày 13 tháng 7 năm 2017	554.000.000.000	600.000.000.000
					<b>554.000.000.000</b>	<b>600.000.000.000</b>

**Các giao dịch với các bên liên quan khác**

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc:

*Đơn vị tính: VND*

	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính từ ngày 27 tháng 4 năm 2016 đến ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
Lương và thưởng	205.990.000	74.368.800

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**27. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu.

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính từ ngày 27 tháng 4 năm 2016 đến ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	12.434.776.945	(1.473.354.692)
Điều chỉnh giảm do trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-
Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	12.434.776.945	(1.473.354.692)
Ảnh hưởng suy giảm	-	-
<b>Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông sau khi đã điều chỉnh cho các yếu tố suy giảm</b>	<b>12.434.776.945</b>	<b>(1.473.354.692)</b>
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông (không bao gồm cổ phiếu quỹ) để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	67.909.960	67.909.960
Ảnh hưởng suy giảm	-	-
<b>Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông (không bao gồm cổ phiếu quỹ) đã điều chỉnh cho các yếu tố suy giảm</b>	<b>67.909.960</b>	<b>67.909.960</b>
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	183	(22)

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày hoàn thành báo cáo tài chính giữa niên độ này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**28. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN**

Công ty lựa chọn các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là bộ phận báo cáo chính yếu vì rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp. Các bộ phận theo khu vực địa lý là bộ phận báo cáo thứ yếu. Các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh chiến lược cung cấp các sản phẩm khác nhau, và phục vụ các thị trường khác nhau.

Thông tin về doanh thu, lợi nhuận và một số tài sản và công nợ của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

**Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017:**

	Kinh doanh sách	Cho thuê bất động sản đầu tư	Đơn vị tính: VND
Doanh thu			Tổng cộng
Doanh thu từ bán hàng ra bên ngoài	6.151.560.863	6.378.110.851	12.529.671.714
Giá vốn các bộ phận	6.151.560.863	6.378.110.851	12.529.671.714
Kết quả	4.484.464.701	4.362.949.553	8.847.414.254
Lợi nhuận gộp trước thuế của bộ phận	1.667.096.162	2.015.161.298	3.682.257.460
Thu nhập/(chi phí) không phân bổ (*)			8.752.519.485
Lợi nhuận trước thuế			12.434.776.945
Chi phí thuế TNDN			-
<b>Lợi nhuận thuần sau thuế</b>			<b>12.434.776.945</b>
Tài sản và công nợ			
Tài sản bộ phận	17.814.013.150	24.574.722.310	42.388.735.460
Tài sản không phân bổ (**)			688.003.134.390
<b>Tổng tài sản</b>			<b>730.391.869.850</b>
Công nợ bộ phận	6.141.819.152	1.898.266.226	8.040.085.378
Công nợ không phân bổ (***)			5.562.852.175
<b>Tổng công nợ</b>			<b>13.602.937.553</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**28. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN** (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính từ ngày 27 tháng 4 đến ngày 30 tháng 6 năm 2016:

	Kinh doanh sách	Cho thuê bất động sản đầu tư	Đơn vị tính: VND
Doanh thu			Tổng cộng
Doanh thu từ bán hàng ra bên ngoài	2.296.360.702	2.401.082.299	4.697.443.001
Giá vốn các bộ phận	2.296.360.702	2.401.082.299	4.697.443.001
Kết quả	1.556.631.812	1.432.633.619	2.989.265.431
Lợi nhuận gộp trước thuế của bộ phận	739.728.890	968.448.680	1.708.177.570
Thu nhập/(chi phí) không phân bổ (*)			(3.179.632.662)
Lợi nhuận trước thuế			(1.471.455.092)
Chi phí thuế TNDN			(1.899.600)
<b>Lợi nhuận thuần sau thuế</b>			<b>(1.473.354.692)</b>
Tài sản và công nợ			
Tài sản bộ phận	20.147.087.275	17.707.629.144	37.854.716.419
Tài sản không phân bổ (**)			724.020.454.787
<b>Tổng tài sản</b>			<b>761.875.171.206</b>
Công nợ bộ phận	7.633.020.461	47.938.272.328	55.571.292.789
Công nợ không phân bổ (***)			12.720.964.809
<b>Tổng công nợ</b>			<b>68.292.247.598</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**28. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)**

- (\*) Thu nhập/(chi phí) không phân bổ chủ yếu bao gồm doanh thu tài chính, chi phí tài chính, chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí bán hàng, thu nhập khác và chi phí khác;
- (\*\*) Tài sản không phân bổ bao gồm tiền, các khoản đầu tư dài hạn, các khoản phải thu khác, các khoản phải thu về cho vay ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn;
- (\*\*\*) Công nợ không phân bổ bao gồm thuế và các khoản phải nộp nhà nước, phải trả người lao động, chi phí trích trước và các khoản phải trả ngắn hạn khác.

**29. CÁC CAM KẾT VÀ CÁC KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG**

**Rủi ro liên quan đến các hợp đồng thuê đất của Công ty**

Công ty hiện đang sử dụng các lô đất và tài sản trên đất tại 22A và 22B Hai Bà Trưng, 50A Hàng Bài (đều ở thành phố Hà Nội) làm cơ sở để kinh doanh và để cho thuê văn phòng. Trong giai đoạn từ ngày 27 tháng 4 năm 2016 đến ngày 30 tháng 6 năm 2017, Công ty đã nộp đầy đủ nghĩa vụ tiền đất và tiền nhà phát sinh trong giai đoạn này và giai đoạn trước cổ phần hóa dựa trên các thông báo nộp tiền thuê nhà của Công ty TNHH Một thành viên Quản lý và Phát triển Nhà Hà Nội và công văn nộp tiền thuê đất của Chi cục Thuế Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội. Tính đến thời điểm lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, các hợp đồng thuê nhà và hợp đồng thuê nhà đất nêu trên đã hết hạn và Công ty đang thực hiện việc gia hạn các hợp đồng với các cơ quan quản lý Nhà nước.

Ngoài ra, Công ty cũng được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch giao hai khu đất tại huyện Đông Anh và phố Chùa Hà, Thành phố Hà Nội. Theo chủ trương cổ phần hóa của Nhà nước, Công ty tiếp tục sử dụng hai khu đất này cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Tuy nhiên, tại ngày lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, Công ty vẫn chưa ký hợp đồng thuê đất với cơ quan quản lý Nhà nước cho hai khu đất này.

**Các khoản nợ tiềm tàng liên quan đến khoản đầu tư vào Công ty Liên doanh TNHH Kim Ngọc**

Theo Giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh số 524/GCNDĐC3/01/1 do Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội cấp ngày 8 tháng 2 năm 1993, Công ty là một bên liên doanh tham gia vào Công ty Liên doanh TNHH Kim Ngọc. Theo Điều 1 của Giấy chứng nhận đầu tư này, phần vốn góp của phía Việt Nam là 1.040.000 USD. Tuy nhiên, do đây là phần vốn góp liên doanh mà Công ty được kế thừa lại từ Công ty Khách sạn và Dịch vụ Văn hóa (một doanh nghiệp Nhà nước nay đã giải thể), Công ty không thể xác định liệu Công ty Khách sạn và Dịch vụ Văn hóa đã hoàn thành các nghĩa vụ về tiền sử dụng đất liên quan đến lô đất được sử dụng để góp vốn liên doanh nêu trên hay chưa, và liệu Công ty có phải chịu các nghĩa vụ về tiền sử dụng đất liên quan đến lô đất này trong trường hợp Công ty Khách sạn và Dịch vụ Văn hóa chưa hoàn thành nghĩa vụ về tiền sử dụng đất hay không.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**30. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty.



Nguyễn Thị Minh  
Người lập



Đặng Xuân Ánh  
Kế toán trưởng



Hà Nội, Việt Nam

Ngày 14 tháng 8 năm 2017